TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **223**/KDTM-PT
Ngày: 09/5/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**:** Ông Ngô Thanh Nhàn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phong

Bà Lưu Thị Đoan Trang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Oanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên

Trong các ngày 26 tháng 4 và 09 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2020/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 1012/2015/KDTM-PT ngày 21/8/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị hủy một phần theo Quyết định giám đốc thẩm số 19/2020/KDTM-GĐT ngày 15/9/2020.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1228/2022/QĐXX-PT ngày 04 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K; Trụ sở: 191 B, quận T, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: Tầng 15, số 9-11 T, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện hợp pháp: ông Mai Văn Đ là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 0380/02-2021/UQ-TCB ngày 28/4/2021) – Có mặt

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L; Địa chỉ: 005 đường 332 H, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Đào Tiến L là đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 25/5/2021) – Có mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Ngọc H; địa chỉ: 41 P, Khu phố 4, phường A, Quận C, TP. Đ, TP. Hồ Chí Minh – Vắng mặt

- Ông Nguyễn Hữu P; Địa chỉ: 39/2A1 P, Khu phố B, phường A, Quận C, TP. Đ, TP. Hồ Chí Minh – Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P và ông H:

Ông Võ Thanh K là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH L; trụ sở: Tầng 1 Tòa nhà P, 52 D, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

Ông Ngô Anh T là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Ngô Anh T; Địa chỉ: Số 23M2 khu đô thị H, đường X, phường H, quận G, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu P, ông Nguyễn Ngọc H

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/08/2013 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm Ngân Hàng TMCP K có đại diện ủy quyền ông Nguyễn Bá K trình bày:

Ngân Hàng TMCP K (Ngân hàng) ký hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 42118/HĐHMTD/TCB-PMH ngày 20/05/2011 với Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L (Công ty L), với nội dung Ngân hàng cung cấp cho Công ty L một hạn mức tín dụng để vay là 100 tỷ đồng. Thời hạn vay và lãi suất theo từng khế ước nhận nợ.

Các tài sản để đảm bảo cho khoản vay gồm: (tstc-1) bất động sản tại địa chỉ số 174 L, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (kèm theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CHO1716 ngày 27/09/2011 (bản chính) do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho ông Hồ A và bà Nguyễn Thị L, theo hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 42642/HĐTC-BĐS/TCB-PMH ngày 02/11/2011; (tstc-2) bất động sản tại địa chỉ số 41 (số cũ 64) P, khu phố B, phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 3649 ngày 03/08/2004 (bản chính) do Ủy ban nhân dân quận C cấp cho ông Nguyễn Ngọc H, theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của bên thứ ba số 42637/HĐTC-BĐS/TCB-PMH ngày 03/11/2011; (tstc-3) Biệt thự đơn lập số TT6-07 Dự án đô thị mới K, huyện Đ, thành phố Hà Nội do ông Lê Anh N và bà Tôn Nữ Thùy D làm chủ sở hữu; (tstc-4) Thép có sẵn trong kho hoặc hình thành từ vốn vay;

Theo khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 43245 ngày 17/05/2012 thì Công ty L đã nhận khoản tiền giải ngân từ Ngân Hàng TMCP K số tiền là 14.240.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 05 tháng, lãi suất vay 19,0%/năm và thay đổi theo năm, ngày đến hạn thanh toán 17/10/2012, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Thực hiện hợp đồng thì đến ngày 09/10/2012 và ngày 17/01/2013 Công ty L có đơn đề nghị cơ cấu lại khoản vay là 3.100.000.000 đồng và được Ngân hàng K chấp thuận theo số tiền gốc 3.100.000.000 đồng, thời hạn thanh toán 02 tháng từ ngày 18/01/2013 đến ngày 18/03/2013, lãi suất 15%/năm, tuy nhiên đến hạn Công ty L không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận.

Ngân hàng K khởi kiện Công ty L và yêu cầu Công ty thanh toán số tiền vốn 3.044.671.071 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/05/2012 đến ngày 13/01/2015, trong đó gồm lãi quá hạn 1.246.412.223 đồng. Tổng cộng 4.291.083.294 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nếu Công ty L không thanh toán một lần số tiền trên thì Ngân Hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp (tstc-1) và (tstc-2) để thu hồi nợ.

Bị đơn là Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L trình bày:

Ông Hồ A, bà Nguyễn Thị L có đề nghị Công ty L đứng ra vay dùm cho ông bà số tiền 3.014.000.000 đồng tại Ngân hàng K và có thế chấp tài sản là (tstc-1) như Ngân hàng trình bày. Thực hiện thỏa thuận Công ty L khi giải ngân được số tiền 3.014.000.000 đồng đã chuyển lại cho ông Hồ A số tiền 2.525.732.000 đồng theo giấy Ủy nhiệm chi ngày 07/11/2011, Công ty giữ lại số tiền 488.268.000 đồng để đóng tiền lãi. Kể từ ngày 07/11/2011 cho đến ngày 29/03/2013, tổng số tiền lãi mà Công ty đã đóng cho Ngân hàng K cho khoản vay này là 813.478.600 đồng theo tờ sổ phụ khoản vay ngày 07/11/2011, ngày 10/07/2012, ngày 17/05/2012 của Ngân hàng K- H. Sau khi Công ty đã trừ lại số tiền 488.268.000 đồng thì ông Hồ A, bà L còn nợ lại Công ty số tiền 352.210.600 đồng và 24.800.000 đồng theo phiếu báo nợ ngày 17/01/2013 của Ngân hàng K, tổng cộng là 350.010.600 đồng. Tại phiên tòa Công ty yêu cầu ông Hồ A, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 350.010.600 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/03/2013 đến ngày 29/11/2014 theo lãi suất cơ bản Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 9%/năm, thì 350.010.600 đồng x 0.75/tháng x 20 tháng = 52.501.590 đồng, tổng cộng là 402.512.190 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Hữu P có đề nghị Công ty L đứng ra vay dùm cho Ông H, Ông P số tiền 3.542.126.400 đồng tại Ngân hàng K và có tài sản thế chấp là (tstc-2), mục đích vay để Ông H trả nợ cho bà Trương Thị Bích T. Thực hiện thỏa thuận trên, ngày 10/04/2012 Công ty L khi giải ngân và chuyển toàn bộ số tiền 3.542.126.400 đồng cho bà T. Tại phiên tòa, Công ty L có ý kiến đối với số tiền 3.542.126.400 đồng mà Công ty đứng ra vay dùm Ông H, Ông P thì Công ty không khởi kiện trong vụ án này, khi có tranh chấp Công ty sẽ khởi kiện Ông H, Ông P trong vụ án khác.

Đến ngày 17/5/2012, Công ty L vay lại số tiền 14.240.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 43245 ngày 17/05/2012, mục đích vay để đáo hạn 02 khoản nợ của ông Hồ A, bà L và Ông H, Ông P và còn lại một phần Công ty làm vốn kinh doanh. Tính đến ngày 29/3/2013 Công ty đã trả được 11.195.382.929 đồng nợ gốc và đã đề nghị Ngân hàng giải chấp 03 tài sản thế chấp gồm: (tstc-2), (tstc-3), (tstc-4) nhưng Ngân hàng chỉ giải chấp 2 tài sản là (tstc-3) và (tstc-4).

Tại phiên tòa, Công ty L thừa nhận còn nợ vốn gốc 3.044.671.071 đồng và tiền lãi phát sinh đến thời điểm hiện nay và đồng ý thanh toán số nợ trên, nhưng đề nghị phát mãi tài sản thế chấp (tstc-1) của ông Hồ A, bà L để trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Bích T trình bày:

Theo bản tự khai ngày 23/10/2014 và Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 13/11/2014 thì bà T và vợ, chồng ông Hồ A, bà Nguyễn Thị L có quen biết nhau nên vào năm 2011, ông Hồ A, bà L có nhờ bà T vay tiền dùm và bà T giới thiệu Công ty L đứng ra vay tiền cho ông Hồ A, bà L và Công ty L đồng ý và đứng ra làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng K, có tài sản đảm bảo thuộc sở hữu ông Hồ A, bà L là (tstc-1), để Công ty vay số tiền 3.014.000.000 đồng cho ông A, bà L. Sau đó khi vay được số tiền trên thì Công ty đã chuyển cho ông Hồ A thông qua bà T, căn cứ theo Tờ ủy nhiệm chi ngày 07/11/2011 tại Ngân hàng K. Bà T xác định đã chuyển số tiền 2.525.732.000 đồng cho ông Hồ A.

Cùng thời điểm năm 2011, bà T có quen biết với ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Hữu P. Sau đó Ông P làm đại diện cho Ông H đứng ra vay của bà T số tiền 3.500.000.000 đồng, theo Hợp đồng vay tiền ngày 26/01/2011 với lãi suất 1,5%tháng và thế chấp bất động sản (tstc-2), thuộc sở hữu của Ông H. Sau khi vay được tiền thì Ông H, Ông P đề nghị bà T giúp cho Ông H, Ông P vay vốn tại Ngân hàng khi vay được thì Ông H, Ông P sẽ trả lại cho bà T số tiền đã mượn. Vì vậy, bà T có giới thiệu Công ty L đứng ra vay tiền tại Ngân hàng K cho Ông H, Ông P để vay số tiền 3.542.126.400 đồng. Đồng thời Ông P ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của bên thứ ba số 42637/HĐTC-BĐS/TCB-PMH ngày 03/11/2011 với Ngân hàng K theo đó tài sản đảm bảo là (tstc-2), thuộc sở hữu của Ông H.

Bà T có ý kiến đối với các hợp đồng vay giữaNgân hàng K với Công ty L và ông Hồ A, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu P thì bà T không liên quan nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Riêng đối với số tiền 3.500.000.000 đồng Ông P còn nợ bà T theo Hợp đồng vay tiền ngày 26/01/2011, thì bà T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu P, ông Nguyễn Ngọc H, bà Nguyễn Thị Thanh N do ông Lê Mạnh H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông P có ký hợp đồng vay tiền với bà Trương Thị Bích T ngày 26/01/2011 vay số tiền 3.500.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, có tài sản thế chấp là (tstc-2), thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc H. Khi giao tiền thì bà T đã trừ 13% tiền dịch vụ và tiền lãi suất tương đương số tiền 390.000.000 đồng, Ông P chỉ nhận được 2.610.000.000 đồng và hàng tháng Ông P đóng tiền lãi đầy đủ cho bà T thì đối với hợp đồng này hai bên đã giải quyết xong nên Ông P không yêu cầu gì.

Ông P thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của bên thứ ba số 42637/HĐTC-BĐS/TCB-PMH ngày 03/11/2011 để bảo

lãnh nghĩa vụ vay của Công ty L ký với Ngân hàng K, tài sản thế chấp trong hợp đồng là (tstc-2), thuộc sở hữu Ông H đã ủy quyền cho Ông P theo hợp đồng ủy quyền số 00003388 ngày 03/11/2011 lập tại Phòng công chứng - H. Tuy nhiên Ông P cho rằng việc ký kết hợp đồng trên là do bà T ép buộc, nên yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của bên thứ ba số 42637/HĐTC-BĐS/TCB-PMH ngày 03/11/2011 giữa Ngân hàng K ký với Công ty L là vô hiệu. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện cho Ông P rút lại yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, chỉ yêu cầu buộc ngân hàng trả lại tài sản thế chấp (tstc-2) cho Ông H, vì Công ty L đã thanh toán xong số tiền 3.542.126.400đồng cho Ngân hàng.

Ông Hồ A, ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Tại bản án số 01/2015/KDTM-ST ngày 14/01/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP K.

Buộc Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân Hàng TMCP K, tổng cộng số tiền 4.291.083. 294 đồng, trong đó gồm tiền vốn 3.044.671.071 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/05/2012 đến ngày 13/01/2015 số tiền 1.246.412.223 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân Hàng TMCP K - Chi nhánh H có trách nhiệm giao trả lại các giấy tờ bản chính gồm Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CHO1716 ngày 27/09/2011 cho ông Hồ A và bà Nguyễn Thị L và Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 3649 ngày 03/08/2004 cho ông Nguyễn Ngọc H sau khi đã nhận đầy đủ số tiền nợ trên.

Nếu Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L không trả dứt điểm toàn bộ số tiền trên cho Ngân hàng TMCP K thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bất động sản tại địa số 174 L, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và bất động sản tại địa số 41 (số cũ 64) P, khu phố B, phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L.

Buộc ông Hồ A, bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 402.512.190 đồng cho Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/01/2015, ông Nguyễn Hữu P và ông Nguyễn Ngọc H kháng cáo không đồng ý phát mãi tài sản (tstc-2), yêu cầu trả lại toàn bộ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà nói trên cho ông Nguyễn Ngọc

H. Ngày 10/02/2015 ông Hồ A và bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ngân hàng xin rút lại yêu cầu phát mãi tài sản của ông A, bà L vì ngày 26/3/2015 vợ chồng ông A đã thanh toán số tiền 3.000.060.185 đồng và Ngân hàng đã giải chấp tài sản (tstc-1) cho vợ chồng ông A; Ngân hàng chỉ yêu cầu Công ty L trả số nợ gốc là 1.428.033.307 đồng, tiền lãi tính đến ngày 26/3/2015 đã trả hết, nếu đến hạn không trả thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp (tstc-2) của ông Nguyễn Ngọc H để trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty L xác định: Công ty đồng ý với kháng cáo của Ông H và Ông P về việc không phát mãi tài sản thế chấp (tstc-2) của Ông H. Công ty đồng ý việc giải chấp (tstc-1) và rút 1 phần yêu cầu của Ngân hàng.

Tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 1012/2015/KDTM-PT ngày 21/8/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định (tóm tắt):

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hữu P và ông Nguyễn Ngọc H.

2. Chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

3. Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết yêu cầu của ngân hàng TMCP K đòi Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L thanh toán số tiền nợ gốc 3.000.060.185 đồng và không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp tại tọa lạc số 174 L, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Hồ A và bà Nguyễn Thị L.

4. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của ông Hồ A và bà Nguyễn Thị L

6. Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền 1.291.023.109 đồng theo thế ước nhận nợ số 43245 ngày 17/5/2012, gồm nợ gốc 44.610.886 đồng, nợ lãi 1.246.412.223 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 27/3/2015 theo Hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 42118/HĐHMTD/TCB-PMH ngày 20/5/2011 và khế ước nhận nợ số 43245 ngày 17/5/2012 tính trên nợ gốc là 44.610.886 đồng cho đến khi Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L trả hết nợ.

7. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP K yêu cầu phát mãi căn nhà số 41 (số cũ 64) P, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng TMCP K trả lại cho ông Nguyễn Ngọc H toàn bộ bản chính các giấy tờ nhà số 41 (số cũ 64) P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L.

Buộc ông Hồ A, bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 402.512.190 đồng cho Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn L. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Sau khi Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng có đơn đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án.

Tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 01/2016/KNGĐT-VC3-V3 ngày 05/12/2016 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị toàn bộ Bản án phúc thẩm số 1012/2015/KDTM-PT ngày 21/8/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án phúc thẩm và xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 22/2017/KDTM-GĐT ngày 04/7/2017 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau (tóm tắt):

Không chấp nhận Kháng nghị số 01/2016/KNGĐT-VC3-V3 ngày 05/12/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 1012/2015/KDTM-PT ngày 21/8/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 05/01/2018, Ngân hàng có đơn đề nghị xem xét lại Quyết định giám đốc thẩm số 22/2017/KDTM-GĐT nêu trên.

Tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 16/2020/KN-KDTM ngày 09/6/2020, ChA án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị một phần Quyết định đốc thẩm số 22/2017/KDTM-GĐT của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định giám đốc thẩm nêu trên và Bản án phúc thẩm số 1012/2015/KDTM-PT ngày 21/8/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần nội dung giải quyết tài sản thế chấp là bất động sản tại số 41 (số cũ 64) P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (tstc-2) để xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 19/2020/KDTM-GĐT ngày 15/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định như sau (tóm tắt):

Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 16/2020/KN-KDTM ngày 09/6/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Hủy phần nội dung giải quyết tài sản thế chấp là bất động sản tại số 41 (số cũ 64) P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định giám đốc thẩm số 22/2017/KDTM-GĐT ngày 04/7/2017 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số

1012/2015/KDTM-PT ngày 21/8/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giao cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2, các đương sự trình bày như sau:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng K trình bày:

Sau khi bản án phúc thẩm số 1012/2015/KDTM-PT có hiệu lực thì Ngân hàng đã thi hành bản án. Cụ thể đã giao trả toàn bộ bản chính các giấy tờ nhà số 41 (số cũ 64) P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định thi hành án của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8; đồng thời Ngân hàng cũng đã nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của mình.

Cho đến nay Công ty L vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng K số tiền 1.291.023.109 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp tục cho đến khi trả hết nợ được tuyên tại bản án phúc thẩm số 1012/2015/KDTM-PT. Do vậy căn cứ Quyết định giám đốc thẩm số 19/2020/KDTM-GĐT, Ngân hàng vẫn giữ yêu cầu phát mãi căn nhà số 41 (số cũ 64) P, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán khoản nợ của Công ty L nêu trên.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn là Công ty L trình bày: Công ty L xác nhận chưa trả số tiền 1.291.023.109 đồng cho Ngân hàng như bản án đã tuyên. Công ty L đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi căn nhà số 41 (số cũ 64) P, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán khoản nợ nêu trên.

- Ông Nguyễn Hữu P và ông Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của Ngân hàng tại phiên tòa, xét thấy cần phải xác minh điều tra và thu thập chứng cứ để xác định về tình trạng pháp lý của bất động sản tại số 41 (số cũ 64) P, phường A Quận C, TP. Đ, TP. Hồ Chí Minh thì mới có cơ sở để giải quyết phần nội dung của bản án phúc thẩm bị cấp giám đốc thẩm hủy. Đây là tình tiết mới phát sinh sau khi đã có bản án sơ thẩm. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử hủy phần nội dung giải quyết tài sản thế chấp là bất động sản tại số 41 (số cũ 64) P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 14/01/2015 và giao về Toà án nhân dân Quận 8 xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

Căn cứ nội dung Quyết định giám đốc thẩm số 19/2020/KDTM-GĐT ngày 15/9/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì phạm vi xét xử của Hội đồng xét xử phúc thẩm là nội dung giải quyết tài sản thế chấp là bất động sản tại số 41 (số cũ 64) P, phường A, Quận C, TP. Đ, TP.HCM (tstc-2) thuộc sở hữu của ông Nguyễn Ngọc H, căn cứ theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai của bên thứ ba số 42637/HĐTC-BĐS/TCB-PMH ngày 03/11/2011 ký kết giữa ông Nguyễn Hữu P, Ngân hàng và Công ty L được nhận định và quyết định trong Bản án sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 14/01/2015 của Tòa án nhân dân Quận 8 và Bản án phúc thẩm số 1012/2015/KDTM-PT ngày 21/8/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Hữu P đối với phần quyết định này của bản án sơ thẩm.

Đối với những phần còn lại được nêu trong quyết định của Bản án phúc thẩm số 1012/2015/KDTM-PT đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[2] Về xác định những người tham gia phiên tòa phúc thẩm:

Theo phạm vi xét xử phúc thẩm nêu trên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 294 Bộ luật tố tụng dân sự những người cần được triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm gồm có: Nguyên đơn là Ngân hàng, bị đơn là Công ty L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là ông Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Hữu P.

[3] Xét việc vắng mặt của ông Nguyễn Hữu P, ông Nguyễn Ngọc H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông P, Ông H tại phiên tòa xét xử lần 2 ngày 26/4/2022:

Ngày 10/3/2022 Tòa án đã mở phiên tòa lần 1 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2022/QĐXX-PT ngày 11/02/2022, do ông Đào Tiến Long là người đại diện hợp pháp của bị đơn và ông Võ Thanh K là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Hữu P có đơn xin hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa lần 2 ông Nguyễn Hữu P có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bận việc không thể tham gia. Tuy nhiên Ông P không cung cấp chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo của Ông P theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần 2 ông Nguyễn Ngọc H vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu kháng cáo của Ông H theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Người kháng cáo được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thị bị coi như từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người đó*." Đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều 312 thì Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm và giữ nguyên bản án sơ thẩm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: *...2. Người kháng cáo được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật này...*"

[5] Theo quyết định của bản án sơ thẩm: Nếu Công ty L không trả tiền thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bất động sản tại địa số 41 (số cũ 64) P, khu phố B, phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Tuy nhiên, qua lời trình bày của đại diện Ngân hàng tại phiên tòa cho thấy phần quyết định tại bản án phúc thẩm số 1012/2015/KDTM-PT có nội dung: "*Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP K yêu cầu phát mãi căn nhà số 41 (số cũ 64) P, phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng TMCP K trả lại cho ông Nguyễn Ngọc H toàn bộ bản chính các giấy tờ nhà số 41 (số cũ 64) P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh*." đã được thi hành theo Quyết định thi hành án số 37/QĐ-CCTHADS ngày 22/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8. Theo đó Ngân hàng đã giao trả toàn bộ bản chính các giấy tờ nhà số 41 (số cũ 64) P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho Chi cục thi hành án dân sự Quận 8 (Biên bản giao nhận ngày 17/6/2019).

[6] Như vậy, trường hợp này việc áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự để "giữ nguyên bản án sơ thẩm" đối với yêu cầu phát mãi bất động sản tại số 41 (số cũ 64) P như bản án sơ thẩm đã tuyên là không đảm bảo cho việc thi hành án vì chưa thể xác định được chủ sở hữu hiện nay có phải là ông Nguyễn Ngọc H hay không và ai đang là người quản lý sử dụng bất động sản trên.

[7] Để có căn cứ giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên về quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với bất động sản tại số 41 (số cũ 64) P, trên cơ sở xem xét đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, cần thiết phải xác định rõ ông Nguyễn Ngọc H còn là chủ sở hữu hợp pháp hiện nay của bất động sản tại số 41 (số cũ 64) P, Quận C (nay là TP. Đ), TP.HCM và ai là người đang quản lý, sử dụng trực tiếp…. thì mới giải quyết được hậu quả của việc thi hành án đối với nội dung đã bị Quyết định giám đốc thẩm hủy, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự liên quan và thực hiện đúng theo nội dung nhận định của Quyết định giám đốc thẩm.

Cấp phúc thẩm đã có thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ về nội dung này, nhưng không có đương sự nào thực hiện việc cung cấp thông tin cho Tòa.

[8] Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau: "*Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm khi thuộc một trong các trường hợp sau: 1. Việc thu thập chứng cứ và chứng minh ... chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được*". Nhận thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc hủy một phần bản án sơ thẩm đối với phần nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên: " *Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản bất động sản tại địa chỉ số 41 (số cũ 64) P, khu phố B, phường A, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ*" để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Việc cần thiết phải điều tra thu thập chứng cứ bổ sung để giải quyết hậu quả của việc thi hành án, các vấn đề khác có liên quan (nếu có) như nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu trên là tình tiết mới sau khi có bản án sơ thẩm, nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[10] Đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí sẽ được xác định lại khi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Hủy phần nội dung giải quyết tài sản thế chấp là bất động sản tại số 41 (số cũ 64) P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2015/KDTM-ST ngày 14/01/2015 của Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí sơ thẩm: sẽ được xác định khi giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Ngọc H, ông Nguyễn Hữu P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDTC
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thanh Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Đoan Trang Nguyễn Thị Phong Ngô Thanh Nhàn

Hỏi NLQ Ông P , Ông H

- Nhà 41 (số cũ 64) P, phường Phước Long A, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh hiện nay ai đang đứng tên sở hữu? CM

- Gồm những ai đang cư ngụ thực tế? CM

- Hiện trạng căn nhà có thay đổi gì từ khi thế chấp đến nay? CM

Hỏi NĐ:

- Bản án PT đã thi hành ntn? CM

- Tiền TUAP đã được hoàn chưa?

- Căn cứ QĐ GĐT 19/2020, NH xác định yc ntn?

BAPT tuyên: *"Công ty TNHH Thương mại và Tư vấn Lcó trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam số tiền 1.291.023.109 đồng theo thế ước nhận nợ số 43245 ngày 17/5/2012, gồm nợ gốc 44.610.886*

đồng + nợ lãi 1.246.412.223 đồng….Nợ lãi tiếp tục phát sinh từ ngày….trên nợ gốc"

- Đã thực hiện ntn nào? Hiện còn lại bao nhiêu?

- Nhà 41 (số cũ 64) P, phường Phước Long A, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh hiện nay ai đang đứng tên sở hữu? CM

- Gồm những ai đang cư ngụ thực tế? CM

- Hiện trạng căn nhà ntn?

Hỏi BĐ:

- Cty Lê Tôn có thay đổi địa chỉ trụ sở, ngành nghề KD, người đại diện không? (Y/c cung cấp giấy CNĐK KD đang có hiệu lực)

- Cty Lê Tôn đã thực hiện thanh toán gì cho NH chưa?

- Có ý kiến gì về yêu cầu phát mãi nhà 41 (số cũ 64) P, phường Phước Long A, Quận 9